

**LU T**  
**KHOA H C VÀ CÔNG NGH**

*C n c Hi n pháp n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam n m 1992 ã c s a i, b sung m t s i u theo Ngh quy t s 51/2001/QH10;*

*Qu c h i ban hành Lu t khoa h c và công ngh .*

**CH NG I**  
**NH NG QUY NH CHUNG**

**i u 1. Ph m vi i u ch nh**

Lu t này quy nh v t ch c, cá nhân ho t ng khoa h c và công ngh ; v t ch c th c hi n ho t ng khoa h c và công ngh ; bi n pháp b o m phát tri n khoa h c và công ngh ; qu n lý nhà n c v khoa h c và công ngh .

**i u 2. i t ng áp d ng**

Lu t này áp d ng i v i t ch c, cá nhân ho t ng khoa h c và công ngh t i Vi t Nam.

**i u 3. Gi i thích t ng**

Trong Lu t này, các t ng đ i ây c hi u nh sau:

1. *Khoa h c* là h th ng tri th c v b n ch t, quy lu t t n t i và phát tri n c a s v t, hi n t ng t nhiên, xã h i và t duy.

2. *Công ngh* là gi i pháp, quy trình, bí quy t k thu t có kèm theo ho c không kèm theo công c , ph ng ti n dùng bi n i ngu n l c thành s n ph m.

3. *Ho t ng khoa h c và công ngh* là ho t ng nghiên c u khoa h c, nghiên c u và tri n khai th c nghi m, phát tri n công ngh , ng d ng công ngh , đ ch v khoa h c và công ngh , phát huy sáng ki n và ho t ng sáng t o khác nh m phát tri n khoa h c và công ngh .

4. *Nghiên c u khoa h c* là ho t ng khám phá, phát hi n, tìm hi u b n ch t, quy lu t c a s v t, hi n t ng t nhiên, xã h i và t duy; sáng t o gi i pháp nh m ng d ng vào th c ti n.

5. *Nghiên c u c b n* là ho t ng nghiên c u nh m khám phá b n

ch t, quy lu t c a s v t, hi n t ng t nhiên, xã h i và t duy.

6. *Nghiên c u ng d ng* là ho t ng nghiên c u v n d ng k t qu nghiên c u khoa h c nh m t o ra công ngh m i, i m i công ngh ph c v l i ích c a con ng i và xã h i.

7. *Phát tri n công ngh* là ho t ng s d ng k t qu nghiên c u c b n, nghiên c u ng d ng, thông qua vi c tri n khai th c nghi m và s n xu t th nghi m hoàn thi n công ngh hi n có, t o ra công ngh m i.

8. *Tri n khai th c nghi m* là ho t ng ng d ng k t qu nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh t o ra s n ph m công ngh m i d ng m u.

9. *S n xu t th nghi m* là ho t ng ng d ng k t qu tri n khai th c nghi m s n xu t th nh m hoàn thi n công ngh m i, s n ph m m i tr c khi a vào s n xu t và i s ng.

10. *D ch v khoa h c và công ngh* là ho t ng ph c v, h tr k thu t cho vi c nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh; ho t ng liên quan n s h u trí tu, chuy n giao công ngh, tiêu chu n, quy chu n k thu t, o l ng, ch t l ng s n ph m, hàng hóa, an toàn b c x, h t nhân và n ng l ng nguyên t; d ch v v thông tin, t v n, ào t o, b i d ng, ph bi n, ng d ng thành t u khoa h c và công ngh trong các l nh v c kinh t - xã h i.

11. *T ch c khoa h c và công ngh* là t ch c có ch c n ng ch y u là nghiên c u khoa h c, nghiên c u tri n khai và phát tri n công ngh, ho t ng d ch v khoa h c và công ngh, c thành l p và ng ký ho t ng theo quy nh c a pháp lu t.

12. *Cá nhân ho t ng khoa h c và công ngh* là ng i th c hi n ho t ng khoa h c và công ngh.

13. *Nhi m v khoa h c và công ngh* là nh ng v n khoa h c và công ngh c n c gi i quy t áp ng yêu c u th c ti n phát tri n kinh t - xã h i, b o m qu c phòng, an ninh, phát tri n khoa h c và công ngh.

14. *t hàng th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh* là vi c bên t hàng a ra yêu c u v s n ph m khoa h c và công ngh, cung c p kinh phí t ch c, cá nhân ho t ng khoa h c và công ngh t o ra s n ph m khoa h c và công ngh thông qua h p ng.

15. *K t c u h t ng ph c v phát tri n khoa h c và công ngh* là c s v t ch t - k thu t c a t ch c khoa h c và công ngh; h th ng chu n o l ng, phòng thí nghi m tr ng i m; khu công ngh cao, khu nông nghi p ng d ng công ngh cao, c s m t o công ngh, c s m t o doanh nghi p khoa h c và công ngh; h t ng thông tin, th ng kê khoa h c và công ngh.

16. *i m i sáng t o (innovation)* là vi c t o ra, ng d ng thành t u, gi i pháp k thu t, công ngh, gi i pháp qu n lý nâng cao hi u qu phát tri n kinh

t - xã h i, nâng cao n ng su t, ch t l ng, giá tr gia t ng c a s n ph m, hàng hóa.

#### **i u 4. Nhi m v c a ho t ng khoa h c và công ngh**

1. Xây d ng lý lu n v ch ngh a xã h i và con ng i lên ch ngh a xã h i c a Vi t Nam; xây d ng lu n c khoa h c cho vi c nh ra ng l i, chính sách, pháp lu t v phát tri n kinh t - xã h i, b o m qu c phòng, an ninh; góp ph n xây d ng n n giáo d c tiên ti n, xây d ng con ng i m i Vi t Nam; k th a và phát huy giá tr truy n th ng l ch s , v n hoá dân t c, ti p thu tinh hoa v n hoá nhân lo i và óng góp vào kho tàng v n hoá, khoa h c c a th gi i.

2. Nâng cao n ng l c khoa h c và công ngh làm ch công ngh tiên ti n, công ngh cao, ph ng pháp qu n lý tiên ti n; s d ng h p lý tài nguyên thiên nhiên, b o v môi tr ng, b o v s c kh e con ng i; k p th i đ báo, phòng, ch ng, h n ch và kh c ph c h u qu thiên tai.

3. Ti p thu thành t u khoa h c và công ngh c a th gi i t o ra, ng d ng có hi u qu công ngh m i; t o ra s n ph m m i có s c c nh tranh cao; phát tri n n n khoa h c và công ngh Vi t Nam t trình tiên ti n trong khu v c, ti p c n v i trình th gi i, làm c s v ng ch c cho vi c phát tri n các ngành công nghi p hi n i; y m nh vi c ph bi n và ng d ng thành t u khoa h c và công ngh vào s n xu t và i s ng.

#### **i u 5. Nguyên t c ho t ng khoa h c và công ngh**

1. Xu t phát t nhu c u th c ti n, ph c v phát tri n kinh t - xã h i, b o m qu c phòng, an ninh, phát tri n khoa h c và công ngh .

2. Xây d ng và phát huy n ng l c n i sinh v khoa h c và công ngh k t h p v i vi c ti p thu có ch n l c thành t u khoa h c và công ngh c a th gi i, phù h p v i th c ti n Vi t Nam.

3. B o m quy n t do sáng t o, phát huy dân ch trong ho t ng khoa h c và công ngh vì s phát tri n c a t n c.

4. Trung th c, khách quan, cao o c ngh nghi p, t ch , t ch u trách nhi m.

5. B o m an toàn tính m ng, s c kh e con ng i, b o v môi tr ng.

#### **i u 6. Chính sách c a Nhà n c v phát tri n khoa h c và công ngh**

Nhà n c th c hi n các chính sách sau ây nh m b o m phát tri n khoa h c và công ngh là qu c sách hàng u:

1. u tiên và t p trung m i ngu n l c qu c gia cho phát tri n khoa h c và công ngh ; áp d ng ng b c ch , bi n pháp khuy n khích, u ãi nh m phát huy vai trò then ch t và ng l c c a khoa h c và công ngh trong phát tri n kinh t - xã h i, b o m qu c phòng, an ninh, b o v môi tr ng và nâng cao

chất lượng cuộc sống của nhân dân;

2. Phát triển và bồi đắp các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; khuyến khích và phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, an ninh; tạo tiền đề hình thành và phát triển kinh tế tri thức;

3. Khuyến khích và nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến và hiện đại, nghiên cứu làm chủ và tạo ra công nghệ mới nhằm cải thiện, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm;

4. Tập trung ưu tiên xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, chú trọng lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm quốc gia; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt phát triển, đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực khoa học và công nghệ;

5. Tạo điều kiện phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

6. Khuyến khích, tạo điều kiện thu hút đầu tư doanh nghiệp vào hoạt động khoa học và công nghệ, cải thiện, nâng cao trình độ công nghệ;

7. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các nhà khoa học và kỹ thuật, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội và hoạt động khoa học và công nghệ;

8. Chuyển đổi, tích cực hình thành và phát triển các trung tâm khoa học và công nghệ; nâng cao vị thế quốc gia về khoa học và công nghệ trong khu vực và thế giới.

### **Điều 7. Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam**

Ngày 18 tháng 5 hàng năm là Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam.

### **Điều 8. Các hành vi bị cấm**

1. Lợi dụng hoạt động khoa học và công nghệ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây thiệt hại đến tài nguyên, môi trường, sức khỏe con người; trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

2. Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; chiếm đoạt, chuyển nhượng, chuyển giao bất hợp pháp kết quả khoa học và công nghệ.

3. Tội phạm tài liệu, kỹ thuật khoa học và công nghệ thuộc danh mục bí mật nhà nước; lừa dối, giả mạo trong hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Cản trở hoạt động khoa học và công nghệ hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

CHƯƠNG II  
**TỔNG QUAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Mục 1**  
**THÀNH LẬP, QUY NẠM VÀ NGHỊ ĐỊNH**  
**CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 9. Hình thức và phân loại tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Hình thức các tổ chức khoa học và công nghệ quy định như sau:

a) Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có tổ chức dưới hình thức viện hàn lâm, viện, trung tâm, phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, trung tâm quản trị, trung tâm thí nghiệm và hình thức khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định;

b) Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có tổ chức theo quy định của Luật giáo dục nghề nghiệp;

c) Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ có tổ chức dưới hình thức trung tâm, viện phòng, phòng thí nghiệm và hình thức khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ có phân loại như sau:

a) Theo thẩm quyền thành lập, tổ chức khoa học và công nghệ gồm các loại quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này;

b) Theo chức năng, tổ chức khoa học và công nghệ gồm tổ chức nghiên cứu cơ bản, tổ chức nghiên cứu ứng dụng, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ;

c) Theo hình thức sở hữu, tổ chức khoa học và công nghệ gồm tổ chức khoa học và công nghệ công lập, tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nhà nước ngoài.

**Điều 10. Quy hoạch quản lý tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

1. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, báo cáo quốc phòng, an ninh và chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các quan nhà nước khác xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch quản lý tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Việc xây dựng quy hoạch quản lý tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải thực hiện theo các nguyên tắc sau đây:

a) Xây dựng quy hoạch quản lý tổ chức khoa học và công nghệ

thăng nhớt, năng lực và phân bổ hợp lý, phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Gắn kết chặt chẽ khoa học và công nghệ với sản xuất và thực tiễn ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Bảo đảm thực hiện mục tiêu nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia, chú trọng nâng cao năng lực khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

d) Bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, ý kiến xã hội hóa đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.

### **Điều 11. Điều kiện thành lập, đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ**

1. Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập khi có các điều kiện sau đây:

a) Có đủ lực lượng nhân sự và hoạt động, mục tiêu, phương hướng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Nhân lực khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu, phương hướng và lực lượng nhân sự;

2. Ngoài các quy định tại khoản 1 điều này, việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải phù hợp với quy hoạch ngành và tổ chức khoa học và công nghệ và ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo phân cấp của Chính phủ.

Trường hợp Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc thì Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng liên ngành thẩm định.

3. Việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài phải tuân thủ các quy định tại khoản 1 điều này và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Mục đích, nội dung, lĩnh vực hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam;

b) Các Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép thành lập;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) cho phép đầu tư xây dựng và hoạt động.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ phải đăng ký hoạt động tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ và các cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

5. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện thành lập, thẩm định, trình tự,

th t c ng ký ho t ng c a t ch c khoa h c và công ngh .

**i u 12. Th m quy n, trình t , th t c thành l p , sáp nh p, chia, tách, gi i th t ch c khoa h c và công ngh**

1. Th m quy n thành l p t ch c khoa h c và công ngh c quy nh nh sau:

a) Qu c h i, y ban th ng v Qu c h i thành l p t ch c khoa h c và công ngh thu c Qu c h i, y ban th ng v Qu c h i;

b) Chính ph thành l p t ch c khoa h c và công ngh thu c Chính ph ;

c) Tòa án nhân dân t i cao thành l p t ch c khoa h c và công ngh thu c Tòa án nhân dân t i cao;

d) Vi n Ki m sát nhân dân t i cao thành l p t ch c khoa h c và công ngh thu c Vi n Ki m sát nhân dân t i cao;

e) Th t ng Chính ph thành l p ho c y quy n cho B tr ng, Th tr ng c quan ngang b , c quan thu c Chính ph thành l p t ch c khoa h c và công ngh thu c b , c quan ngang b , c quan thu c Chính ph ;

f) B tr ng, Th tr ng c quan ngang b , c quan thu c Chính ph thành l p t ch c khoa h c và công ngh thu c b , c quan ngang b , c quan thu c Chính ph , tr tr ng h p quy nh t i i m kho n này;

g) y ban nhân dân c p t nh thành l p t ch c khoa h c và công ngh c a a ph ng theo th m quy n;

h) T ch c chính tr , t ch c chính tr - xã h i, t ch c xã h i, t ch c xã h i - ngh nghi p thành l p t ch c khoa h c và công ngh theo quy nh c a pháp lu t và i u l ;

i) Doanh nghi p, t ch c khác, cá nhân thành l p t ch c khoa h c và công ngh c a mình.

2. C quan, t ch c, cá nhân thành l p t ch c khoa h c và công ngh có quy n quy t nh vi c sáp nh p, chia, tách, gi i th t ch c khoa h c và công ngh ; quy nh ch c n ng, nhi m v c a t ch c khoa h c và công ngh do mình thành l p phù h p v i quy nh c a pháp lu t.

3. Chính ph quy nh c th trình t , th t c thành l p , sáp nh p, chia, tách, gi i th t ch c khoa h c và công ngh .

**i u 13. Quy n c a t ch c khoa h c và công ngh**

1. T ch , t ch u trách nhi m trong ho t ng khoa h c và công ngh trong l nh v c ã c c p gi y ch ng nh n ng ký ho t ng. T ch c khoa h c và công ngh công l p c Nhà n c giao biên ch .

2. ng ký tham gia tuy n ch n ho c c giao tr c ti p th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh ; ký k t h p ng khoa h c và công ngh ;

ào t o nhân l c, b i d ã ng nhân tài v khoa h c và công ngh .

3. Thành l p t ch c khoa h c và công ngh , doanh nghi p ho c doanh nghi p khoa h c và công ngh tr c thu c, v n phòng i di n, chi nhánh trong n c và n c ngoài ho t ã ng khoa h c và công ngh theo quy nh c a Lu t này và quy nh khác c a pháp lu t có liên quan.

4. H p tác, liên doanh, nh n tài tr c a t ch c, cá nhân ; góp v n b ã ng t i n, tài s n, giá tr quy n s h u trí tu ho t ã ng khoa h c và công ngh và ho t ã ng s n xu t, kinh doanh theo quy nh c a pháp lu t.

5. c b o h quy n s h u trí tu ; chuy n giao, chuy n nh ã ng k t qu ho t ã ng khoa h c và công ngh theo quy nh c a pháp lu t v s h u trí tu và chuy n giao công ngh .

6. Công b k t qu ho t ã ng khoa h c và công ngh theo quy nh c a Lu t báo chí, Lu t xu t b n và quy nh khác c a pháp lu t.

7. T v n, xu t ý ki ã n xây d ã ng chính sách, pháp lu t, k ho ch phát tri n kinh t - xã h i, k ho ch phát tri n khoa h c và công ngh c a Nhà n c v i c quan có th m quy n.

8. Tham gia ho t ã ng h i nh p qu c t v khoa h c và công ngh .

9. c chuy n i m t ph n ho c toàn b thành doanh nghi p khoa h c và công ngh theo quy nh c a pháp lu t.

#### **i u 14. Ngh a v c a t ch c khoa h c và công ngh**

1. ã ng ký ho t ã ng khoa h c và công ngh ; th c hi ã n ho t ã ng khoa h c và công ngh theo úng l ã nh v c ã c quy nh trong gi y ch ã ng nh ã n ã ng ký ho t ã ng.

2. Th c hi ã n h p ã ng khoa h c và công ngh ã ký k t, nhi m v khoa h c và công ngh ã o c quan, t ch c có th m quy n giao.

3. Th c hi ã n dân ch , bình ã ng, công khai trong v i c s ã d ã ng kinh phí và th c hi ã n nhi m v khoa h c và công ngh .

4. B o ã m kinh phí cho ho t ã ng nghi ã n c u khoa h c c b ã n th ã ng xuyên theo ch c ã n ã ng c a mình; s ã d ã ng kinh phí u t cho khoa h c và công ngh úng pháp lu t.

5. ã ng ký, l u gi và chuy n giao k t qu nghi ã n c u khoa h c và phát tri n công ngh có s ã d ã ng ã ng sách nhà n c.

6. Th c hi ã n ch báo cáo, th ã ng kê v khoa h c và công ngh .

7. B o v l i ích c a Nhà n c và xã h i, quy n, l i ích h p pháp c a cá nhân ho t ã ng khoa h c và công ngh trong t ch c mình; gi b i m t nhà n c v khoa h c và công ngh .



**Điểm 15. Về phòng thí nghiệm, chi nhánh tại Việt Nam của các cơ quan khoa học và công nghệ nước ngoài**

1. Các cơ quan khoa học và công nghệ nước ngoài có thành lập văn phòng thí nghiệm, chi nhánh tại Việt Nam hoặc các cơ quan khoa học và công nghệ, hoặc liên quan trực tiếp hoặc các cơ quan khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc thành lập văn phòng thí nghiệm, chi nhánh tại Việt Nam của các cơ quan khoa học và công nghệ nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Là các cơ quan khoa học và công nghệ hợp pháp của các quốc gia, quốc gia, vùng lãnh thổ nhất định có thành lập hoặc ký kết hợp tác;

b) Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 11 của Luật này;

c) Hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ mà Việt Nam có nhu cầu;

d) Cam kết chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật Việt Nam và điều kiện quốc gia mà Việt Nam là thành viên.

3. Giấy phép thành lập văn phòng thí nghiệm, chi nhánh tại Việt Nam của các cơ quan khoa học và công nghệ nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp và có thời hạn không quá 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của giấy đăng ký hợp tác hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của các cơ quan khoa học và công nghệ nước ngoài trong trường hợp pháp luật quốc gia có quy định thời hạn giấy đăng ký hợp tác của các cơ quan khoa học và công nghệ nước ngoài.

4. Văn phòng thí nghiệm, chi nhánh tại Việt Nam của các cơ quan khoa học và công nghệ nước ngoài có thể tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ ghi trong giấy phép thành lập và có quy định, nghĩa vụ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự và thủ tục thành lập văn phòng thí nghiệm, chi nhánh tại Việt Nam của các cơ quan khoa học và công nghệ nước ngoài.

## **Mục 2**

### **ÁNH GIÁ, X P H NG T C H C KHOA H C VÀ CÔNG NGH**

**Điểm 16. Mục đích, nguyên tắc đánh giá, x p h ng t ch c khoa h c và công ngh**

1. Đánh giá các cơ quan khoa học và công nghệ là việc sử dụng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn xác định năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan khoa học và công nghệ.

2. Việc đánh giá các cơ quan khoa học và công nghệ nhằm mục đích sau đây:

- a) Tổ chức x p h ng t ch c khoa h c và công ngh ;
- b) Ph c v ho t ng ho ch nh chính sách phát tri n khoa h c và công ngh , quy ho ch m ng l i t ch c khoa h c và công ngh ;
- c) Làm c s xem xét vi c tuy n ch n, xét giao tr c ti p cho t ch c ch trì th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh , th c hi n chính sách u tiên u t t ngân sách nhà n c, cho vay, tài tr , b o lãnh v n vay c a qu trong l nh v c khoa h c và công ngh .

3. Vi c ánh giá, x p h ng t ch c khoa h c và công ngh c th c hi n theo nguyên t c sau ây:

- a) Có ph ng pháp, tiêu chí ánh giá phù h p;
- b) c l p, bình ng, trung th c, khách quan, úng pháp lu t;
- c) K t qu ánh giá, x p h ng ph i c công b công khai, minh b ch.

#### **i u 17. ánh giá t ch c khoa h c và công ngh ph c v qu n lý nhà n c**

1. T ch c khoa h c và công ngh công l p ph i c ánh giá ph c v qu n lý nhà n c.

2. Vi c ánh giá t ch c khoa h c và công ngh ph c v qu n lý nhà n c do c quan qu n lý nhà n c v khoa h c và công ngh th c hi n ho c thông qua t ch c ánh giá c l p.

3. Vi c ánh giá t ch c khoa h c và công ngh c th c hi n d a trên tiêu chí và ph ng pháp ánh giá do B tr ng B Khoa h c và Công ngh quy nh i v i t ng lo i hình t ch c khoa h c và công ngh .

#### **i u 18. T ch c ánh giá c l p**

1. T ch c có t cách pháp nhân, cá nhân c th c hi n ánh giá, x p h ng t ch c khoa h c và công ngh theo quy nh c a Lu t này và quy nh khác c a pháp lu t có liên quan.

2. Vi c ánh giá, x p h ng t ch c khoa h c và công ngh ph i tuân theo nguyên t c quy nh t i kho n 3 i u 16 c a Lu t này.

3. T ch c, cá nhân th c hi n ánh giá, x p h ng ph i ch u trách nhi m v k t qu ánh giá, x p h ng c a mình.

### **CH NG III**

## **CÁ NHÂN HO T NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH , PHÁT TRI N NGU N NHÂN L C KHOA H C VÀ CÔNG NGH**

#### **i u 19. Ch c danh nghiên c u khoa h c, ch c danh công ngh**

1. Ch c danh nghiên c u khoa h c là tên g i th hi n trình và n ng l c nghiên c u khoa h c c a cá nhân ho t ng trong l nh v c khoa h c, g m

tr ́ lý nghi ́n c ́ u, nghi ́n c ́ u vi ́n, nghi ́n c ́ u vi ́n ch ́nh, nghi ́n c ́ u vi ́n cao c ́ p.

Cá nh ́n ho t ́ ng khoa h ́ c và công ngh ́ tham gia gi ́ ng d ́ y, ào t ́ o i ́ h c, sau i ́ h c c ́ xét b ́ nh i m gi ́o s ́ , phó gi ́o s ́ . Th ́ t c ́ xét b ́ nh i m th ́ c hi ́ n theo quy ́ nh c ́ a pháp lu t ́ v ́ gi ́o d ́ c i ́ h c.

2. Ch ́ c danh công ngh ́ là tên g ́ i th ́ hi ́ n trình ́ và n ́ ng l ́ c chuyên môn, nghi p ́ v ́ c ́ cá nh ́n ho t ́ ng trong t ́ ng l ́ nh v ́ c công ngh ́ .

Ch ́nh ph ́ quy ́ nh c ́ th ́ ch ́ c danh công ngh ́ , th ́ t c ́ , quy trình xét công nh ́n, b ́ nh i m ch ́ c danh nghi ́n c ́ u khoa h ́ c, ch ́ c danh công ngh ́ .

3. Ng ́ i có h ́ c v ́ ti ́ n s ́ ho c ́ có công trình nghi ́n c ́ u khoa h ́ c và công ngh ́ xu t ́ s ́ c ho c ́ c gi ́ i th ́ ng cao v ́ khoa h ́ c và công ngh ́ c ́ xét công nh ́n, b ́ nh i m vào ch ́ c danh nghi ́n c ́ u khoa h ́ c, ch ́ c danh công ngh ́ cao h ́ n không ph ́ thu c ́ vào n ́ m công tác.

4. B ́ N i v ́ ch ́ tr ́, ph ́ i h ́ p v ́ i B ́ Khoa h ́ c và Công ngh ́ , b ́ , c quan ngang b ́ có liên quan quy ́ nh h ́ th ́ ng danh m ́ c, tiêu chu ́ n và mã s ́ ch ́ c danh nghi ́n c ́ u khoa h ́ c, ch ́ c danh công ngh ́ .

## **i u 20. Quy ́ nh c ́ a cá nh ́n ho t ́ ng khoa h ́ c và công ngh ́**

1. T ́ do sáng t ́ o, bình ́ ng trong ho t ́ ng khoa h ́ c và công ngh ́ .

2. T ́ mình ho c ́ h ́ p tác v ́ i t ́ ch ́ c, cá nh ́n khác ́ ho t ́ ng khoa h ́ c và công ngh ́ , ký k ́ t h ́ p ́ ng khoa h ́ c và công ngh ́ .

3. c ́ t ́ o i ́ u ki ́ n tham gia, th ́ c hi ́ n nhi ́ m v ́ khoa h ́ c và công ngh ́ theo ch ́ c n ́ ng c ́ a t ́ ch ́ c khoa h ́ c và công ngh ́ mà mình là thành vi ́n.

4. Thành l ́ p doanh nghi p ́ khoa h ́ c và công ngh ́ , t ́ ch ́ c khoa h ́ c và công ngh ́ trong m ́ t s ́ l ́ nh v ́ c theo quy ́ nh c ́ a Th ́ t ́ ng Ch ́nh ph ́ .

5. Ng ́ ký tham gia tuy ́ n ch ́ n ho c ́ c ́ giao tr ́ c t ́ i p ́ th ́ c hi ́ n nhi ́ m v ́ khoa h ́ c và công ngh ́ .

6. c ́ b ́ o h ́ quy ́ n s ́ h ́ u trí tu ́ ; chuy ́ n giao, chuy ́ n nh ́ ng k ́ t qu ́ ho t ́ ng khoa h ́ c và công ngh ́ theo quy ́ nh c ́ a pháp lu t ́ v ́ s ́ h ́ u trí tu ́ và chuy ́ n giao công ngh ́ .

7. Công b ́ k ́ t qu ́ ho t ́ ng khoa h ́ c và công ngh ́ theo quy ́ nh c ́ a Lu t ́ báo chí, Lu t ́ xu t ́ b ́ n và quy ́ nh khác c ́ a pháp lu t ́ .

8. Góp v ́ n b ́ ng ti ́ n, tài s ́ n, giá tr ́ quy ́ n s ́ h ́ u trí tu ́ ho t ́ ng khoa h ́ c và công ngh ́ , s ́ n xu t, kinh doanh; nh ́n tài tr ́ ho t ́ ng khoa h ́ c và công ngh ́ theo quy ́ nh c ́ a pháp lu t ́ .

9. T ́ v ́ n, xu t ́ ý ki ́ n xây d ́ ng ch ́nh sách, pháp lu t, k ́ ho c ́ h phát tri ́n kinh t ́ - xã h ́ i c ́ a Nhà n ́ c v ́ i c ́ quan có th ́ m quy ́ n, k ́ ho c ́ h phát tri ́n khoa h ́ c và công ngh ́ c ́ a t ́ ch ́ c khoa h ́ c và công ngh ́ mà mình là

thành viên và tham gia giám sát việc thực hiện.

10. Tham gia tổ chức khoa học và công nghệ, hội, hiệp hội khoa học và công nghệ; tham gia hoạt động đào tạo, chuyển giao, hội thảo khoa học và công nghệ; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.

11. Xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh quy định tại Điều 19 của Luật này.

12. Khen thưởng, hưởng quy định ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

### **Điều 21. Nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ**

1. Đóng góp trí tuệ, tài năng vào sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, an ninh.

2. Thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết.

3. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao.

4. Nghiên cứu, lưu giữ và giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sở hữu trí tuệ của nhà nước.

5. Giữ bí mật nhà nước về khoa học và công nghệ, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội.

### **Điều 22. Đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ**

1. Căn cứ vào quy hoạch phát triển nguồn nhân lực quốc gia, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trên cơ sở xu hướng, quan trọng, quan trọng thu hút Chính phủ, ý kiến nhân dân cấp tỉnh và cơ quan nhà nước khác.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ quản lý chuyên ngành tổ chức đào tạo trình độ đại học, sau đại học; phát hiện, đào tạo bồi dưỡng nhân tài bổ sung nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, lĩnh vực và vùng miền; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ cho đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ trên phạm vi cả nước.

4. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện tổ chức, cá nhân đào tạo, tham gia, tài trợ cho việc đào tạo, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài khoa học và công nghệ; khuyến khích đào tạo và sở hữu nguồn nhân lực trong hoạt động khoa học và công nghệ; ưu tiên thu hút, đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ cho vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, các

biết khó khăn.

5. Kinh phí thực hiện việc đào tạo nguồn nhân lực quy định tại khoản 2 điều này do ngân sách nhà nước bố trí. Kinh phí thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại khoản 3 điều này thuộc kinh phí sản nghiệp phẩm khoa học và công nghệ. Kinh phí tài trợ cho việc đào tạo, đào tạo lại nhân lực về khoa học và công nghệ quy định tại khoản 4 điều này được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

6. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

**Điều 23. Ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài khoa học và công nghệ**

1. Người có cống hiến vào các danh nghiên cứu khoa học, các danh công nghệ được hưởng ưu đãi sau đây:

- a) được xếp vào vị trí việc làm và hưởng mức lương, phụ cấp phù hợp với chuyên môn và năng lực trong thực tiễn khoa học và công nghệ công lập;
- b) được hưởng ưu đãi về thu nhập theo quy định tại Điều 64 của Luật này;
- c) được trang bị phương tiện và tạo điều kiện làm việc thuận lợi cao hơn mức quy định cho cán bộ, công chức nhà nước và phù hợp với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt;
- d) được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp xảy ra tai nạn, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do nguyên nhân khách quan, miễn thuế thu nhập cá nhân quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học.

2. Nhà khoa học ưu ngành ngoài được quy định tại khoản 1 điều này còn được hưởng ưu đãi sau đây:

- a) được ưu tiên giao chức vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quan trọng;
- b) được thành lập nhóm nghiên cứu xuất sắc trong lĩnh vực chuyên môn của mình và được cấp học bổng kinh phí cho họ và gia đình;
- c) được tiếp xúc, tham gia xây dựng, đánh giá và phân bổ chính sách của ngành, lĩnh vực, quốc gia và phát triển khoa học và công nghệ;
- d) được ưu tiên giao nhiệm vụ phân bổ các loại hình nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ và cấp tỉnh;
- e) được hưởng mức phụ cấp ưu đãi đặc biệt theo quy định của Chính phủ;
- f) được trừ kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực chuyên môn.

3. Nhà khoa học đặc biệt được giao chức vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia được miễn thuế thu nhập cá nhân ngoài được quy định tại khoản 1 điều này còn

c h ã ng u ã i sau â y:

a) H ã ng m c l ã ng và ph ã c p u ã i c b i t theo th a thu n v i c quan nh ã n c giao nh i m v ; c b trí nh ã công v , ph ã ng ti n i l i công v trong th i gian th c h i n nh i m v c giao;

b) xu t v i c i u ã ng nh ã n l c khoa h c và công ngh , kinh phí th c h i n nh i m v và ngu n l c v t ch t, tài chính b o m th c h i n nh i m v ;

c) Thuê, th a thu n chi phí thuê chuyên gia trong n c và n c ngoài; t quy t ã nh v i c mua sáng ch , thi t k , tài li u k thu t, bí quy t công ngh ph c v cho nh i m v trong ph m vi d ã toán kinh phí c giao;

d) T quy t ã nh và c h tr kinh phí tham gia h i ngh , h i th o khoa h c trong n c và qu c t thu c l ã nh v c chuyên môn;

) Toàn quy n quy t ã nh v i c t ch c nh i m v c giao.

4. Nh ã khoa h c tr tài n ã ng ngoài v i c c h ã ng u ã i quy ã nh t i kho n l i u này còn c h ã ng u ã i sau â y:

a) u tiên xét c p h c b ã ng ã ã ng cao trình trong n c, ngoài n c;

b) c ã thành l p nh óm nghi ã n c u xu t s c trong l ã nh v c chuyên môn c ã mình và c c p ho c h tr kinh phí cho ho t ã ng c ã nh óm này;

c) c ã giao ch ã trì th c h i n nh i m v khoa h c và công ngh t i m n ã ng và c u tiên ch ã trì, tham gia th c h i n nh i m v khoa h c và công ngh kh ã c;

d) c h tr kinh phí tham gia h i ngh , h i th o trong n c và qu c t thu c l ã nh v c chuyên môn.

5. Chính ph ã quy ã nh c th i u này.

**i u 24. Thu hút cá nh ã n ho t ã ng khoa h c và công ngh ã nh ã Vi t Nam ã n c ngoài và chuyên gia ã n c ngoài**

1. Cá nh ã n ho t ã ng khoa h c và công ngh ã nh ã Vi t Nam ã n c ngoài, chuyên gia ã n c ngoài c khuy n kh i ch tham gia ho t ã ng khoa h c và công ngh t i Vi t Nam.

2. Cá nh ã n ho t ã ng khoa h c và công ngh ã nh ã Vi t Nam ã n c ngoài trong th i gian làm v i c t i Vi t Nam có quy n, ã nh ã v ã quy ã nh t i i u 20 và i u 21 c ã Lu t này và c h ã ng u ã i sau â y:

a) c b nh i m, thuê m nh i m ch c danh l ã nh o t ch c khoa h c và công ngh ; c ã giao ch ã trì th c h i n nh i m v khoa h c và công ngh c ã c p, xét công nh ã n, b nh i m ch c danh nghi ã n c u khoa h c, ch c danh công ngh theo quy ã nh t i i u 19 c ã Lu t này;

b) c h ã ng l ã ng chuyên gia theo quy ã nh c ã Chính ph ã và u

ãi khác theo h p ãng;

c) c h ãng các u ãi v xu t nh p c nh, c trú, nhà và u ãi khác theo quy ãnh c a pháp lu t.

3. Chuyên gia ãn c ngoài c khuỷ n khích tham gia ho t ãng khoa h c và công ngh t i Vi t Nam và c h ãng u ãi sau ây:

a) c thuê m nhi m ch c danh lãnh o t ch c khoa h c và công ngh ; c giao ch t r ãi nh ãi nh ãi m v khoa h c và công ngh ;

b) c h ãng u ãi v xu t nh p c nh, c trú, nhà và u ãi khác theo quy ãnh c a pháp lu t;

c) c h ãng l ãng chuyên gia theo quy ãnh c a Chính ph và u ãi khác theo h p ãng.

4. Cá nhãn ho t ãng khoa h c và công ngh ã ãng i Vi t Nam ãn c ngoài, chuyên gia ã ãng i ãn c ngoài có c ãng hi ãn l ãn i v i s ãng hi p phát t r ãn khoa h c và công ngh c a Vi t Nam c Nhà ãn c Vi t Nam vinh danh, khen th ãng, t ãng gi i th ãng v khoa h c và công ngh c a Vi t Nam.

5. Chính ph quy ãnh c th ãi u ãy.

## CH ãNG IV XÁC ãNH, T CH C TH C HI ãN NHI M V KHOA H C VÀ CÔNG NGH

### M c 1 XÁC ãNH NHI M V KHOA H C VÀ CÔNG NGH

#### **ãi u 25. Nhi m v khoa h c và công ngh**

1. Nhi m v khoa h c và công ngh c t ch c ãi hình th c ch ãng t r ãnh, tài, ã án, nhi m v ãng hi ãn c u theo ch c ãn ãng c a t ch c khoa h c và công ngh và các hình th c khác.

2. Nhi m v khoa h c và công ngh s ã ãng ãng ãnh ãnh ãn c bao g m nhi m v khoa h c và công ngh c p qu c gia, c p b , c p t ãnh và c p c s ão c quan có th m quy ãn quy ãnh t i ãi u 27 c a Lu t ãy ãnh.

Nhi m v khoa h c và công ngh c p qu c gia, c p b , c p t ãnh p ãi th c hi ãn theo hình th c t ãnh.

3. Nhà ãn c khuỷ n khích, t o i u ki ãn m i t ch c, cá nhãn xu t ý t ãng khoa h c, nhi m v khoa h c và công ngh .

Chính ph quy ãnh tiêu chí ãnh ãnh nhi m v khoa h c và công ngh các c p phù h p v i t ãng gia i o ãn phát t r ãn và l ãnh v c khoa h c và công

nghe; bị n ép pháp khuynh khích xu t ý t ng khoa h c, nhi m v khoa h c và công ngh .

### **i u 26. xu t nhi m v khoa h c và công ngh**

1. Vì c xu t nhi m v khoa h c và công ngh s d ng ngân sách nhà n c c quy nh nh sau:

a) C quan, t ch c, cá nhân g i xu t nhi m v khoa h c và công ngh v b , c quan ngang b , c quan thu c Chính ph , y ban nhân dân c p t nh và c quan nhà n c khác trung ng phù h p v i ngành, l nh v c, a bàn qu n lý t ng h p.

B , c quan ngang b , c quan thu c Chính ph , y ban nhân dân c p t nh và c quan nhà n c khác trung ng t ch c l y ý ki n t v n xác nh và công b công khai nhi m v t hàng c p mình và g i xu t t hàng nhi m v khoa h c và công ngh c p qu c gia v B Khoa h c và Công ngh ;

b) B Khoa h c và Công ngh có trách nhi m t ng h p xu t t hàng, t ch c l y ý ki n t v n v nhi m v khoa h c và công ngh c p qu c gia và công b công khai;

c) B tr ng B Khoa h c và Công ngh có trách nhi m ch ng ho c theo yêu c u c a Chính ph , Th t ng Chính ph , xu t t hàng nhi m v khoa h c và công ngh c p qu c gia c p bách, m i phát sinh có tác ng l n n s phát tri n kinh t - xã h i c a t n c, nh h ng n qu c phòng, an ninh qu c gia; t ch c l y ý ki n t v n v các nhi m v này;

d) Vì c l y ý ki n t v n xác nh nhi m v khoa h c và công ngh c th c hi n thông qua H i ng t v n xác nh nhi m v khoa h c và công ngh .

H i ng t v n xác nh nhi m v khoa h c và công ngh do ng i ng u c quan, t ch c có th m quy n quy t nh thành l p, quy nh nhi m v và quy n h n. Thành ph n c a H i ng bao g m nhà khoa h c, nhà qu n lý, nhà kinh doanh có uy tín và trình phù h p v i nhi m v . Trong tr ng h p c n thi t, ng i ng u c quan, t ch c có th m quy n có quy n l y ý ki n t v n c a chuyên gia t v n c l p tr c ho c sau khi h p H i ng. Thành viên H i ng và chuyên gia t v n c l p ph i ch u trách nhi m v ý ki n t v n c a mình.

2. Vì c xu t nhi m v khoa h c và công ngh không s d ng ngân sách nhà n c có th áp d ng quy nh t i kho n l i u này.

3. Vì c xu t, t v n xác nh nhi m v nghiên c u ng d ng trong l nh v c khoa h c, công ngh và k thu t ph i bao g m n i dung tri n khai th c nghi m, s n xu t th nghi m và d toán kinh phí cho các ho t ng này ho c xu t d án tri n khai th c nghi m, s n xu t th nghi m.

4. B tr ng B Khoa h c và Công ngh quy nh c th i u này.



**Điểm 27. Thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng thanh toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định như sau:

a) Căn cứ vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ 05 năm và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hàng năm;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh;

c) Tổ chức, cá nhân không thuộc quy định điểm a và điểm b khoản này thực hiện phê duyệt hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định về tổ chức và hoạt động của mình.

2. Thẩm quyền ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định như sau:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng thanh toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký hợp đồng thanh toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh;

c) Tổ chức, cá nhân quy định điểm c khoản 1 Điều này ký hợp đồng thanh toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giám sát báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt và ký hợp đồng thanh toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện, đưa vào cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

**Mục 2**

**PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điểm 28. Phương thức giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện giao theo phương thức tuyển chọn, giao trực tiếp, xét tài trợ quốc gia Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước có thể thực hiện theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều này hoặc phương thức khác do tổ chức, cá nhân lựa chọn.

**điểm 29. Tuyển chọn thí sinh, cá nhân tham gia thi tuyển và công nghệ số ngân sách nhà nước**

1. Tuyển chọn thí sinh thi tuyển và công nghệ số ngân sách nhà nước là việc xác định thí sinh, cá nhân tham gia thi tuyển và công nghệ số và phân bổ mức tính cạnh tranh, công bằng, hiệu quả.

2. Thi tuyển và công nghệ số có nhiều thí sinh, cá nhân có khả năng tham gia thí sinh phân bổ giao theo phương thức tuyển chọn nhân tài hiệu quả cao nhất.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp phải thông báo công khai trên cổng thông tin internet các quan minh họ có phân bổ thí sinh thông tin về chúng khác danh mục thi tuyển và công nghệ số; vì vậy, thí sinh tham gia tuyển chọn.

4. Việc tuyển chọn thí sinh, cá nhân tham gia thi tuyển và công nghệ số phải công khai, công bằng, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn phải công bố công khai trên cổng thông tin internet họ có phân bổ thí sinh thông tin về chúng khác.

5. Người quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp thành lập Hội tuyển chọn thí sinh, cá nhân tham gia thi tuyển và công nghệ số và quy định thi tuyển, quy định của Hội tuyển chọn.

Hội tuyển chọn thí sinh, cá nhân tham gia thi tuyển và công nghệ số do người quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp thành lập, quy định thi tuyển và quy định. Hội có nhiệm vụ tổ chức và phân bổ thí sinh thi tuyển và công nghệ số của mình. Thành phần của Hội bao gồm nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có uy tín và trình độ phù hợp với thi tuyển. Thành viên Hội phải có năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn phù hợp với thi tuyển và công nghệ số và chịu trách nhiệm về kết quả của mình.

6. Người quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp chịu trách nhiệm thực hiện pháp luật và quy định thí sinh, cá nhân tham gia thi tuyển và công nghệ số sau khi có ý kiến tổ chức của Hội tuyển chọn. Trong trường hợp cần thiết, người quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có quyền bổ sung thêm ý kiến tổ chức của chuyên gia tổ chức lập trình khi quyết định.

7. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc tuyển chọn thí sinh, cá nhân tham gia thi tuyển và công nghệ số.

**điểm 30. Thi tuyển và công nghệ số ngân sách nhà nước giao trực tiếp**

1. Nhà nước giao trực tiếp cho thí sinh, cá nhân tham gia thi tuyển và công nghệ số về việc thi tuyển trong các trường hợp sau đây:

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thu c bí m t qu c gia, c thù ph c v an ninh, qu c phòng;

b) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ t xu t;

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà ch có m t t ch c khoa học và công nghệ có i u ki n v nhân l c, chuyên môn, trang thi t b th c hi n nhi m v ó.

2. Ng i ng u c quan qu n lý nhà n c có th m quy n quy t nh giao nhi m v khoa học và công nghệ quy nh t i i u này sau khi l y ý ki n t v n c a H i ng t v n khoa học và công nghệ và ph i ch u trách nhi m v vi c giao nhi m v c a mình. T ch c, cá nhân c giao ch trì nhi m v ph i có n ng l c, i u ki n và chuyên môn phù h p.

Trong tr ng h p c n thi t, ng i ng u c quan qu n lý nhà n c có quy n l y thêm ý ki n t v n c a chuyên gia t v n c l p tr c khi quy t nh.

3. Chính ph quy nh c th i u này.

**i u 31. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ c qu trong l nh v c khoa học và công nghệ xét tài tr , cho vay, b o lãnh v n vay**

T ch c, cá nhân có quy n xu t nhi m v khoa học và công nghệ qu phát tri n khoa học và công nghệ , qu i m i công nghệ , qu u t m o hi m công nghệ cao và các qu khác trong l nh v c khoa học và công nghệ xét tài tr , cho vay, b o lãnh v n vay theo i u l t ch c và ho t ng c a qu .

**i u 32. Liên k t xác nh và th c hi n nhi m v khoa học và công nghệ**

1. Nhà n c khuy n khích, t o i u ki n cho t ch c khoa học và công nghệ , nhà khoa học liên k t v i doanh nghi p và t ch c khác xác nh, th c hi n nhi m v khoa học và công nghệ ph c v yêu c u i m i, nâng cao trình công nghệ , n ng su t, ch t l ng và s c c nh tranh c a s n ph m, hàng hoá.

2. Vi c h tr kinh phí t ngân sách nhà n c cho vi c th c hi n nhi m v khoa học và công nghệ quy nh t i kho n l i u này c quy nh nh sau:

a) H tr n 30% v n u t cho d án c a doanh nghi p ng d ng k t qu th c hi n nhi m v khoa học và công nghệ t o ra s n ph m m i ho c nâng cao n ng su t, ch t l ng và s c c nh tranh c a s n ph m t k t qu th c hi n nhi m v khoa học và công nghệ ; h tr n 50% v n u t cho d án th c hi n vùng kinh t - xã h i khó kh n, c bi t khó kh n;

b) H tr n 50% v n u t cho d án th c hi n nhi m v khoa học và công nghệ c p qu c gia thu c l nh v c u tiên, tr ng i m c a Nhà n c.

3. Chính phủ quy định thể thức, trình tự, thủ tục và mechanism của Nhà nước đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điều này.

### **Mục 3 HƯỚNG DẪN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

#### **Điều 33. Phân loại hướng dẫn khoa học và công nghệ**

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ thể thức hiện thông qua hướng dẫn khoa học và công nghệ bản văn bản.

2. Các loại hướng dẫn khoa học và công nghệ gồm:

- a) Hướng dẫn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ;
- b) Hướng dẫn chuyển giao công nghệ ;
- c) Hướng dẫn dịch vụ khoa học và công nghệ .

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định mức ưu tiên quy định tại điểm a khoản 2 điều này.

#### **Điều 34. Quy định, nghĩa vụ của bên tài trợ theo hướng dẫn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Bên tài trợ theo hướng dẫn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có quy định sau đây:

- a) Sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nếu không có thỏa thuận khác trong hợp đồng;
- b) Thực hiện việc giao quy định sử dụng hoặc quy định đăng ký kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ .

2. Bên tài trợ theo hướng dẫn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có nghĩa vụ sau đây:

- a) Cung cấp thông tin cần thiết cho việc thể thức hiện hợp đồng;
- b) Thực hiện nghĩa vụ thanh toán kết quả thể thức hiện nhiệm vụ tài trợ;
- c) Tiếp nhận và thực hiện triển khai ứng dụng hoặc chuyển giao kết quả nghiên cứu sau khi thực hiện nghĩa vụ;
- d) Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên nhận tài trợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

#### **Điều 35. Quy định, nghĩa vụ của bên nhận tài trợ thể thức hiện hướng dẫn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Bên nhận tài trợ thể thức hiện hướng dẫn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có quy định sau đây:

a) Hướng quy n tác gi i v i k t qu nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh theo th a thu n trong h p ng;

b) Yêu c u bên t hàng cung c p thông tin và nh ng i u ki n khác theo th a thu n trong h p ng th c hi n h p ng;

c) Nh n kinh phí c a bên t hàng th c hi n h p ng.

2. Bên nh n t hàng th c hi n h p ng nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh có ngh a v sau ây:

a) Bàn giao k t qu nghiên c u, giao n p s n ph m theo úng quy nh trong h p ng;

b) Gi bí m t v k t qu nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh theo tho thu n;

c) Không c chuy n giao k t qu nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh cho ng i khác n u không có s ch p thu n c a bên t hàng.

### **i u 36. Gi i quy t tranh ch p h p ng khoa h c và công ngh**

1. Bên vi ph m h p ng khoa h c và công ngh ph i b i th ng thi t h i do l i c a mình gây ra và b x lý theo quy nh c a pháp lu t.

2. Tranh ch p h p ng khoa h c và công ngh c gi i quy t tr c h t theo nguyên t c hoà gi i, th ng l ng tr c ti p gi a các bên. Tr ng h p các bên không t gi i quy t c thì tranh ch p c gi i quy t b ng tr ng tài ho c toà án.

## **M c 4**

### **ÁNH GIÁ, NGHI M THU, NG KÝ, L U GI K T QU TH C HI N NH I M V KHOA H C VÀ CÔNG NGH**

**i u 37. ánh giá, nghi m thu k t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh**

1. Nhi m v khoa h c và công ngh s d ng ngân sách nhà n c, khi k t thúc ph i c ánh giá nghi m thu khách quan, chính xác thông qua H i ng khoa h c và công ngh chuyên ngành. Ng i giao nhi m v khoa h c và công ngh theo th m quy n quy t nh nghi m thu k t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh . Trong tr ng h p c n thi t, ng i giao nhi m v khoa h c và công ngh có quy n l y thêm ý ki n t v n c a t ch c, chuyên gia t v n c l p tr c khi quy t nh nghi m thu.

2. Nhi m v khoa h c và công ngh không s d ng ngân sách nhà n c do t ch c, cá nhân t t ch c ánh giá, nghi m thu. Tr ng h p t ch c, cá nhân không có kh n ng t t ch c ánh giá, nghi m thu thì có quy n ngh c quan qu n lý nhà n c v khoa h c và công ngh a ph ng xem xét ánh giá, nghi m thu.

3. K t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh không s d ng ngân sách nhà n c có nh h ng n l i ích qu c gia, qu c phòng, an ninh, môi tr ng, tính m ng, s c kho con ng i ph i c c quan qu n lý nhà n c v khoa h c và công ngh có th m quy n th m nh.

4. H ng n m, B Khoa h c và Công ngh công b công khai danh m c nhi m v khoa h c và công ngh s d ng ngân sách nhà n c ã c nghi m thu.

5. B tr ng B Khoa h c và Công ngh quy nh tiêu chí, th t c ánh giá, nghi m thu k t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh .

**i u 38. H i ng khoa h c và công ngh chuyên ngành, t ch c, chuyên gia t v n c l p ánh giá, nghi m thu k t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh**

1. Ng i giao nhi m v khoa h c và công ngh có trách nhi m thành l p H i ng khoa h c và công ngh chuyên ngành ho c thuê t ch c, chuyên gia t v n c l p ánh giá, nghi m thu k t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh .

2. Thành ph n H i ng khoa h c và công ngh chuyên ngành bao g m nhà khoa h c, i đi n c quan, t ch c xu t t hàng, c quan, t ch c t hàng, nhà qu n lý, nhà kinh doanh có n ng l c và chuyên môn phù h p v i nhi m v .

3. T ch c, chuyên gia t v n c l p ph i có n ng l c và chuyên môn phù h p v i nhi m v .

4. H i ng khoa h c và công ngh chuyên ngành, t ch c, chuyên gia t v n c l p t i n hành ánh giá, nghi m thu k t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh theo m c ích, yêu c u, n i dung, k t qu , t i n ghi trong h p ng ã c ký k t và ch u trách nhi m tr c ng i giao nhi m v khoa h c và công ngh .

5. H i ng khoa h c và công ngh chuyên ngành, t ch c, chuyên gia t v n c l p ph i ch u trách nhi m v k t qu ánh giá c a mình.

**i u 39. ng ký, l u gi k t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh**

1. K t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh s d ng ngân sách nhà n c ph i c ng ký, l u gi t i c quan thông tin khoa h c và công ngh qu c gia và t i c quan có th m quy n c a b , ngành, a ph ng ch qu n.

K t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh thu c danh m c bí m t nhà n c c ng ký, l u gi theo ch m t.

2. K t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh không s d ng ngân sách nhà n c c khuy n khích ng ký, l u gi t i c quan thông tin

khoa học và công nghệ quốc gia hoặc các quan có thẩm quyền cấp, ngành, địa phương.

**Điều 40. Trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sáng tạo ngân sách nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban nhân dân cấp xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, thực hiện dự án, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả dự án khoa học và công nghệ do mình xuất phát hàng hoặc hàng sau khi có đánh giá, nghiệm thu và đánh giá kết quả báo cáo kết quả dự án về Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sáng tạo ngân sách nhà nước mà thực hiện, cá nhân không có khả năng thực hiện dự án khoa học và công nghệ thì có quyền thuê các quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương xem xét tạo điều kiện dự án.

3. Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sáng tạo ngân sách nhà nước thực hiện, cá nhân hiện, trình cho Nhà nước thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, lưu giữ và xem xét thực hiện dự án.

**Mục 5**

**QUY ĐỊNH HỮU, QUY ĐỊNH TÁC GIẢ VÀ QUY ĐỊNH KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

**Điều 41. Quy định hữu, quy định sáng tạo kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Thực hiện, cá nhân đầu tư tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là chủ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trường hợp các bên có thỏa thuận khác trong hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có tạo ra bằng sáng chế nhà nước thì điều chỉnh sở hữu nhà nước quy định như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là điều chỉnh sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là điều chỉnh sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh hoặc cấp cơ sở do mình phê duyệt;

c) Trường hợp quan, tổ chức không thực quy định tại điểm a và điểm b của khoản này là điểm chấp thuận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình quy định phê duyệt.

3. Điểm chấp thuận nhà nước quy định tại khoản 2 điều này có quy định xét giao toàn bộ hoặc một phần quy định số học quy định đăng ký quản lý nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ cho tổ chức chấp hành thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Việc thực hiện quy định số học, quy định đăng ký quản lý nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ quan ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 điều này quy định như sau:

a) Trường hợp phần giao toàn bộ hoặc một phần quy định số học thì tổ chức chấp hành thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện quy định này theo quy định của pháp luật về số học trí tuệ và pháp luật về chuyển giao công nghệ;

b) Trường hợp phần giao quy định đăng ký thì tổ chức chấp hành thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện quy định này theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp phần tổ chức chấp hành thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thực đăng ký kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định tại điểm b khoản 4 điều này thì điểm chấp thuận nhà nước quy định tại khoản 2 điều này quy định giao quy định đăng ký cho tổ chức khác có khả năng đăng ký kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

6. Chính phủ quy định về các trường hợp, trình tự, thủ tục giao toàn bộ, giao một phần quy định số học hoặc quy định đăng ký kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ quy định tại điều này.

#### **Điều 42. Quy định tác giả và kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

ó. Tác giả của kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hưởng quy định theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 43. Phân chia lợi nhuận khi sản xuất, chuyển giao quy định đăng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sản xuất ngân sách nhà nước**

Lợi nhuận thu được từ việc sản xuất, chuyển giao quy định đăng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sản xuất ngân sách nhà nước được chia cho tác giả tối thiểu 30%; phần



còn lại sẽ phân chia giữa các hộ, cơ quan chức năng, người môi giới theo quy định của Chính phủ.

CHÍNH NGUYỄN  
**NGUYỄN ĐÌNH KIỆT QUẢN NGHIÊN CỨU**  
**KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ,**  
**PHẦN BỊ NHẬN THỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 44. Trách nhiệm triển khai nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Trách nhiệm triển khai nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của bên xuất phát hàng hóa xuất hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 40 của Luật này.

Trong hợp đồng bên xuất phát hàng hóa xuất hàng không thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này thì sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, ứng dụng theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, yêu cầu và hướng dẫn của bên phát hàng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trong hợp đồng tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này thì sẽ xử lý theo quy định của pháp luật, trường hợp không có tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong thời hạn 03 năm kể từ ngày xử lý vi phạm.

**Điều 45. Khuyến khích nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt công nghệ cao và khai thác, sử dụng sáng chế mới, ứng dụng lý kinh tế - xã hội, ứng dụng công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa của hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp và cá nhân khác theo quy định tại Luật này và văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Chính phủ, tác giả và người nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có đóng góp lợi ích do việc nghiên cứu này vào sản xuất và ứng dụng theo hợp đồng khoa học và công nghệ và theo quy định của Luật này.

3. Việc nghiên cứu thành công thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất, ứng dụng là một trong những tiêu chí chủ yếu đánh giá năng lực của tác giả, người nghiên cứu khoa học và công nghệ, doanh nghiệp; là căn cứ Nhà nước ưu tiên khi xét tuyển chọn, giao thực hiện nhiệm vụ khoa học

và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; các quyết định của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét hiệu quả kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, tổ chức đổi mới khoa học và công nghệ chuyển giao, ưu đãi về thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật để khuyến khích nhanh kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống, thúc đẩy hiện đại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

5. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phải theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tạo điều kiện cho thành viên ngành khoa học và công nghệ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

#### **Điều 46. Ngành khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội**

1. Dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội sử dụng ngân sách nhà nước phải lập hồ sơ mục tiêu cho ngành, nghiên cứu và phát triển phục vụ xây dựng nền khoa học trong giai đoạn chuyển đổi, thúc đẩy đổi mới và đổi mới quy trình khoa học và công nghệ phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội phải có thẩm định về mặt khoa học, trình độ công nghệ đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật trước khi phê duyệt.

3. Chính phủ quy định thẩm quyền, trình độ, thẩm định thẩm định công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

#### **Điều 47. Khuyến khích hoạt động sáng kiến, đổi mới kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo**

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp phải có biện pháp thúc đẩy phong trào sáng kiến, đổi mới kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo.

2. Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ phải hướng dẫn tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp tổ chức thi sáng kiến, đổi mới kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, ý kiến đổi mới sáng tạo; dành ngân sách sáng kiến nghiên cứu khoa học và công nghệ hỗ trợ các hoạt động này.

3. Doanh nghiệp dành kinh phí tổ chức thi sáng kiến, đổi mới kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo thì kinh phí chi cho hoạt động này được tính là đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

4. Nhà nước tài trợ, khuyến khích tổ chức, cá nhân tổ chức, tài trợ cho hoạt động sáng kiến, đổi mới kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo và tổ chức thi sáng kiến, đổi mới kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, đổi mới sáng tạo.

### **Điểm 48. Truy cập thông tin, phân bổ ngân sách khoa học và công nghệ**

1. Nhà nước ưu tiên, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển công tác truy cập thông tin, phân bổ ngân sách khoa học và công nghệ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng và thực hiện kế hoạch hàng năm, 05 năm và công tác truy cập thông tin, phân bổ ngân sách khoa học và công nghệ.

3. Kinh phí hoạt động, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ cho hoạt động truy cập thông tin, phân bổ ngân sách khoa học và công nghệ được tính vào chi phí hợp lý.

## **CHƯƠNG VI ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Mục 1 ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC**

#### **Điểm 49. Ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ**

1. Nhà nước bố trí ngân sách cho khoa học và công nghệ từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển các ngành khoa học và công nghệ.

2. Ngân sách cho khoa học và công nghệ phải được ghi thành một mục chi riêng trong mục lục ngân sách nhà nước hàng năm của bộ, ngành, địa phương.

3. Việc phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ của năm sau được thực hiện trên cơ sở nhu cầu và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ.

#### **Điểm 50. Mục đích chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ**

1. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp phục vụ lợi ích chung của xã hội; chú trọng nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản trong các lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2. Duy trì và phát triển nền tảng khoa học và công nghệ quốc gia, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho tổ chức khoa học và công nghệ; bố trí hoạt động nghiên cứu cơ bản theo hướng xuyên suốt các ngành khoa học và công nghệ công lập.

### 3. Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

4. C p kinh phí cho qu c a Nhà n c trong l nh v c khoa h c và công ngh theo quy nh t i i u 59 c a Lu t này.

5. Hình thức thực hiện nghiên cứu ứng dụng và tìm kiếm công nghệ thu nhập về ưu tiên, trọng điểm.

6. ý m nh ng d ng khoa h c và công ngh t i a ph ng.

7. Mua k t qu nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh , h tr nh p kh u công ngh ngu n, công ngh cao, thi t k , thuê chuyên gia trong n c và n c ngoài thu c l nh v c u tiên.

8. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, truyền thông, thông tin, thành tựu khoa học và công nghệ; hỗ trợ nâng cấp bộ hạ tầng kỹ thuật, công bố kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, giải thưởng khoa học và công nghệ.

9. H tr ho t ng khoa h c và công ngh khác.

**Điểm 51. Xây dựng đội toán và quản lý việc sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ**

1. Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng xu hướng toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ hàng năm theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập đề toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, đề toán chi sản nghiệp khoa học và công nghệ theo xu hướng toán của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ xây dựng xu hướng toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ hàng năm và ngành cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, tài chính tổng hợp, xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, dự toán chi sản phẩm khoa học và công nghệ, báo cáo chi dùng, chi kinh phí đã phân bổ.

y ban nhân dân c p t nh trình H i ng nhân dân cùng c p phê duy t  
d toán chi ngân sách nhà n c cho khoa h c và công ngh .

4. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm cấp phát kinh phí khoa học và công nghệ, cấp thù lao, phụ cấp và tiền lương cho các nhà khoa học và công nghệ; ôn tập, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ đúng mục đích, hiệu quả.

**điểm 52. Áp dụng khoản chi về nghiên cứu khoa học và công nghệ của ngân sách nhà nước; mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Việc áp dụng khoản chi về nghiên cứu khoa học và công nghệ của ngân sách nhà nước quy định như sau:

a) Khoản chi về áp dụng về nghiên cứu khoa học và công nghệ của ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ đã được quan có thẩm quyền phê duyệt theo tiêu chí, nội dung, yêu cầu và sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí;

b) Nghiên cứu khoa học và công nghệ đã xác định rõ tiêu chí về sản phẩm cụ thể cùng trên cơ sở thẩm định thuyết minh và dự toán kinh phí thì việc áp dụng khoản chi về sản phẩm cụ thể;

c) Nghiên cứu khoa học và công nghệ không thể khoản chi về sản phẩm cụ thể và ngành nghiên cứu khoa học và công nghệ có tính rõ ràng cao thì thực hiện về khoản chi về kết quả nghiên cứu công nghệ đã xác định rõ tiêu chí.

2. Trong trường hợp cần thiết, Nhà nước mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo thỏa thuận với cá nhân.

3. Chính phủ quy định chi tiêu, quy trình, thực hiện khoản chi về nghiên cứu khoa học và công nghệ của ngân sách nhà nước và việc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

**điểm 53. Cơ chế, quy định về kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học và công nghệ của ngân sách nhà nước**

1. Việc cấp kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học và công nghệ của ngân sách nhà nước phải kịp thời, phù hợp với tiến độ hàng năm và phê duyệt nghiên cứu khoa học và công nghệ.

2. Kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học và công nghệ được cấp thông qua quá trình phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước hoặc chuyển vào tài khoản tín dụng của cơ quan chủ trì thực hiện nghiên cứu khoa học và công nghệ tại Khoa của Nhà nước.

3. Việc sử dụng kinh phí thực hiện nghiên cứu khoa học và công nghệ thực hiện theo ý nghĩa chỉ của cơ quan chủ trì thực hiện nghiên cứu khoa học và công nghệ và quy định toán khi kết thúc dự án, không phải thu về vào ngân sách tài chính.

4. Chính phủ quy định chi tiết điểm này.

**điểm 54. Cơ chế ưu đãi về thuế thực hiện nghiên cứu khoa học và công nghệ về thuế**

1. Nghiên cứu khoa học và công nghệ quy mô lớn phải có phòng, an ninh, có tác động mạnh mẽ đến kinh tế, xã hội và sức khỏe nhân dân.

sản phẩm quốc gia cấp đăng ký chủ sở hữu.

2. Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thu hút đầu tư, công trình quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

3. Thủ tướng Chính phủ quyết định thể hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu, trọng tâm quy hoạch 2 năm này.

4. Chính phủ quy định tiêu chí xác định nhiệm vụ, chủ sở hữu chủ yếu và phân bổ thể hiện ưu tiên nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp đăng ký chủ sở hữu quy hoạch 2 năm này.

## Mục 2

### ƯU TIÊN CHO DOANH NGHIỆP, TỰ CHỨC VÀ CÁ NHÂN

**Điều 55. Huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ**

1. Nhà nước khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho khoa học và công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân có thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 62 và Điều 63 của Luật này.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho khoa học và công nghệ có những ưu đãi sau đây:

- a) Chủ sở hữu miễn thuế theo quy định của pháp luật;
- b) Có tôn vinh, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

**Điều 56. Ưu đãi cho doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ**

1. Doanh nghiệp phải dành kinh phí đầu tư nhằm cải tiến, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

2. Kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp có tính là khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp đầu tư hoặc liên kết đầu tư nghiên cứu khoa học và công nghệ thu nhập trước thuế, trừ đi mức của Nhà nước, cải tiến, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa có quy trình công nghệ và công nghệ xét duyệt, cho vay và chủ sở hữu khác theo quy định của Luật này.

**Điều 57. Khuyến khích doanh nghiệp nâng đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

1. Doanh nghiệp nâng đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cải tiến, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao năng suất, chất

lĩnh vực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh vay vốn.

2. Doanh nghiệp phải đăng công khai các chủ trương, chính sách cao nhất theo quy định của pháp luật về công nghệ cao. Doanh nghiệp phải đăng công khai là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong năm có chủ trì, lãnh sự tài trợ vay vốn từ ngân hàng.

## **Điểm 58. Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ**

1. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ tạo ra sản phẩm, hàng hoá tác động trực tiếp đến nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Là doanh nghiệp công thành lập, đăng ký kinh doanh, thực hiện quản lý và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Có n ng l c th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh ;

c) Doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định.

3. Ngoài u ỹ quy nh t i i u 57 c a Lu t này, doanh nghi p khoa h c và công ngh còn c h ng u ỹ sau ây:

- a) c xem xét, giao quy n s h u ho c quy n s d ng k t qu nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh thu c s h u nhà n c;

b) c h ng chính sách u ãi v thu thu nh p doanh nghi p, mìn  
l phí tr c b khi ng ký quy n s d ng t, quy n s h u nhà theo quy  
nh c a pháp lu t;

c) c u tiên thuê t, c s h t ng trong khu công nghi p, khu ch xu t, khu kinh t , khu công ngh cao;

d) Chính sách ưu đãi và tín dụng của Ngân hàng phát triển Việt Nam, Quy định về công nghệ quốc gia và các quy định khác liên quan đến đầu tư sản xuất, kinh doanh;

g) ưu tiên sử dụng trang thiết bị phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tại phòng thí nghiệm trung tâm quốc gia, cơ sở môt công nghệ, môt doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ của Nhà nước.

4. Chính phủ quy định như thế này.

**M c 3**  
**QU H TR , UT**  
**CHO HO T NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH**

**i u 59. Các qu h tr , u t cho ho t ng khoa h c và công ngh**

1. Nhà n c thành l p, khuy n khích t ch c, cá nhân thành l p qu huy ng ngu n l c xã h i nh m h tr , u t cho ho t ng khoa h c và công ngh .

2. Qu phát tri n khoa h c và công ngh c thành l p theo quy nh c a Lu t này.

Qu i m i công ngh , qu u t m o hi m công ngh cao c thành l p theo quy nh c a Lu t chuy n giao công ngh , Lu t công ngh cao.

3. C ch , hình th c h tr , u t cho ho t ng khoa h c và công ngh c a qu c th c hi n theo i u l t ch c và ho t ng c a qu .

**i u 60. Qu phát tri n khoa h c và công ngh qu c gia**

1. Chính ph thành l p Qu phát tri n khoa h c và công ngh qu c gia nh m m c ích tài tr , c p kinh phí cho vi c th c hi n nghiên c u c b n và nghiên c u ng d ng; tài tr , c p kinh phí cho nhi m v khoa h c và công ngh t xu t có ý ngh a quan tr ng v khoa h c và th c ti n, nhi m v khoa h c và công ngh ti m n ng; cho vay v i lãi su t th p ho c không l y lãi th c hi n vi c ng d ng k t qu nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh vào s n xu t và i s ng; b o lãnh v n vay i v i m t s nhi m v khoa h c và công ngh chuyên bì t; h tr nhà khoa h c tr tham gia h i ngh , h i th o qu c t ; h tr ho t ng nâng cao n ng l c khoa h c và công ngh qu c gia.

2. Qu phát tri n khoa h c và công ngh qu c gia c hình thành t ngu n v n c c p ban u, v n c p b sung h ng n m t ngân sách nhà n c dành cho phát tri n khoa h c và công ngh , k t qu ho t ng c a qu ; kho n óng góp t nguy n, hi n, t ng c a t ch c, cá nhân và ngu n h p pháp khác.

3. Chính ph quy nh i u l t ch c và ho t ng c a Qu phát tri n khoa h c và công ngh qu c gia.

**i u 61. Qu phát tri n khoa h c và công ngh c a b , c quan ngang b , c quan thu c Chính ph , t nh, thành ph tr c thu c trung ng**

1. B , c quan ngang b , c quan thu c Chính ph , U ban nhân dân c p t nh thành l p Qu phát tri n khoa h c và công ngh ph c v yêu c u phát tri n khoa h c và công ngh c a mình.

2. Qu c s d ng vào m c ích theo quy nh t i kho n 1 i u 60 c a Lu t này.



3. Quốc hình thành tổ chức ngân hàng và các cơ quan tài chính ngân sách nhà nước dành cho phát triển khoa học và công nghệ các cấp, các ngành; và bổ sung hàng năm một phần ngân sách cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh và khu vực; đóng góp của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; khuyến khích đóng góp tài nguyên, nhân lực, tài chính của tổ chức, cá nhân và nguồn hình pháp khác.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định nội dung và hoạt động của cơ quan phát triển khoa học và công nghệ các cấp, các ngành; và bổ sung hàng năm một phần ngân sách cho phát triển khoa học và công nghệ các cấp, các ngành; và bổ sung hàng năm một phần ngân sách cho phát triển khoa học và công nghệ các cấp, các ngành.

## **Điều 62. Quốc phát triển khoa học và công nghệ các cấp, cá nhân**

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập cơ quan phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

Quốc phát triển khoa học và công nghệ các cấp, cá nhân là tổ chức hoạt động phi lợi nhuận tài trợ không hoàn lại, cho vay và lãi suất thấp hoặc không lãi, bảo lãnh và vay phải có yêu cầu phát triển khoa học và công nghệ các cấp, cá nhân.

2. Quốc phát triển khoa học và công nghệ các cấp, cá nhân có hình thành tổ chức ngân hàng và các cơ quan tài chính ngân sách nhà nước; khuyến khích đóng góp tài nguyên, nhân lực, tài chính của tổ chức, cá nhân và nguồn hình pháp khác.

3. Nội dung và hoạt động của cơ quan do tổ chức, cá nhân thành lập quy định và phải có đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về tài chính có thẩm quyền, đăng tải thông báo về thành lập cơ quan cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ áp dụng nội dung chính của cơ quan.

## **Điều 63. Quốc phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp**

1. Doanh nghiệp ngoài nhà nước khuyến khích thành lập Quốc phát triển khoa học và công nghệ của mình hoặc đóng góp vào Quốc phát triển khoa học và công nghệ của ngành, áp dụng và thực hiện quy định theo quy định của Quốc.

2. Doanh nghiệp nhà nước phải trích một tỷ lệ từ thu nhập tính thu nhập doanh nghiệp lập Quốc phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Chính phủ quy định tỷ lệ trích thu nhập tính thu nhập doanh nghiệp thành lập cơ quan và cơ quan quản lý, sử dụng quốc phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước.

3. Doanh nghiệp có quyền tổ chức, thực hiện trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quốc ứng dụng ích thành lập cơ quan và thông báo về thành lập cơ quan cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ áp dụng nội dung chính của cơ quan.

tr s chính c a doanh nghi p.

**M c 4**  
**U Æ THU VÀ TÍN D NG**  
**CHO HO T NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH**

**i u 64. Chính sách thu i v i ho t ng khoa h c và công ngh**

Các tr ng h p sau ây c h ng chính sách u Æ v thu theo quy nh c a pháp lu t v thu :

1. Thu nh p t i v i c th c hi n h p ng nghi n c u khoa h c và phát tri n công ngh ;
2. Thu nh p t i s n ph m làm ra t công ngh m i l n u áp d ng t i Vi t Nam; s n ph m ang trong th i k s n xu t th nghi m;
3. Doanh nghi p công ngh cao, doanh nghi p nông nghi p ng d ng công ngh cao và m t s ho t ng trong l nh v c công ngh cao;
4. D ch v khoa h c và công ngh ;
5. Máy móc, thi t b , ph t ùng, v t t thu c lo i trong n c ch a s n xu t c c n nh p kh u s d ng tr c ti p cho ho t ng nghi n c u khoa h c, phát tri n công ngh ;
6. Kinh phí tài tr c a t ch c, cá nhân cho ho t ng nghi n c u khoa h c; kho n tài tr nh n c s d ng cho ho t ng nghi n c u khoa h c;
7. Chuy n giao công ngh thu c l nh v c u tiên chuy n giao cho t ch c, cá nhân thu c a bàn kinh t - xã h i khó kh n, a bàn kinh t - xã h i c bi t khó kh n;
8. Các tr ng h p khác c quy nh t i các lu t v thu .

**i u 65. Chính sách tín d ng i v i ho t ng khoa h c và công ngh**

1. T ch c, cá nhân ho t ng khoa h c và công ngh vay v n trung và dài h n ho t ng khoa h c và công ngh c h ng lãi su t u Æ khi vay v n t i Qu phát tri n khoa h c và công ngh qu c gia, các qu khác c a Nhà n c.
2. T ch c, cá nhân vay v n u t vào ho t ng khoa h c và công ngh c u Æ v tín d ng theo i u l c a qu n i vay v n.
3. T ch c, cá nhân vay v n t i ngân hàng th ng m i u t vào ho t ng khoa h c và công ngh , c bi t ho t ng tri n khai th c nghi m và s n xu t th nghi m c Ngân hàng phát tri n Vi t Nam xem xét h tr lãi su t sau u t ho c b o lãnh tín d ng u t , dành t l nh t nh d n tín d ng cho ho t ng khoa h c và công ngh .
4. Nh ng ch ng trình, tài, d án khoa h c và công ngh ph c v

tr c ti p ch ng trnh kinh t - xã h i tr ng i m c a Nhà n c và phát tri n ti m l c khoa h c và công ngh qu c gia, c bi t đ án tri n khai th c nghi m, s n xu t th nghi m có yêu c u s đ ng v n l n, c u tiên xét cho s đ ng v n h tr phát tri n chính th c theo ph ng th c sau ây:

a) Tài tr không hoàn l i ho c cho vay u ã i v i ho t ng nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh ;

b) Cho vay i v i đ án u t xây d ng ti m l c khoa h c và công ngh ho c cho vay có thu h i i v i đ án ng d ng k t qu nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh .

## CH NG VII XÂY D NG K T C U H T NG VÀ PHÁT TRI N TH TR NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH

**i u 66. Xây d ng h t ng k thu t ph c v phát tri n khoa h c và công ngh**

1. Nhà n c có chính sách u t ng b , s đ ng có hi u qu c s v t ch t - k thu t c a c s nghiên c u khoa h c và công ngh qu c gia; khuy n khích, h tr xây d ng trung tâm nghiên c u ng d ng ti n b khoa h c và công ngh , khu công ngh cao, công viên công ngh ; nâng c p và xây d ng m i trung tâm nghiên c u trong c s giáo d c i h c g n ào t o v i nghiên c u khoa h c, ng d ng, tri n khai, th ng m i hoá công ngh m i.

2. C n c vào m c tiêu phát tri n kinh t - xã h i, chi n l c phát tri n khoa h c và công ngh qu c gia, B Khoa h c và Công ngh ch trì ph i h p v i b , c quan có liên quan xây d ng trnh Th t ng Chính ph phê duy t k ho ch u t xây d ng c s v t ch t - k thu t c a t ch c khoa h c và công ngh quan tr ng; phòng thí nghi m tr ng i m qu c gia t tiêu chu n khu v c và qu c t ; c s đ li u qu c gia v khoa h c và công ngh .

3. B , c quan ngang b , c quan thu c Chính ph , c quan nhà n c khác trung ng huy ng ngu n v n u t xây d ng c s v t ch t - k thu t c a t ch c khoa h c và công ngh tr c thu c.

4. y ban nhân dân c p t nh quy t nh k ho ch u t xây d ng c s v t ch t - k thu t c a t ch c khoa h c và công ngh a ph ng.

5. B Khoa h c và Công ngh ch trì, ph i h p v i c quan có liên quan ki m tra, giám sát vi c s đ ng ngân sách nhà n c cho phát tri n khoa h c và công ngh b , ngành, a ph ng và nh k báo cáo Th t ng Chính ph .

**i u 67. Xây d ng h t ng ph c v phát tri n công ngh cao**

1. Nhà n c u t , huy ng ngu n l c xã h i xây d ng h t ng ph c v phát tri n công ngh cao.

2. B Khoa h c và Công ngh ch trì, ph i h p v i c quan có liên quan trình Th t ng Chính ph phê duy t quy ho ch phát tri n khu công ngh cao, c s m t o công ngh cao, m t o doanh nghi p công ngh cao.

3. B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn ch trì, ph i h p v i B Khoa h c và Công ngh và c quan có liên quan trình Th t ng Chính ph phê duy t quy ho ch phát tri n khu nông nghi p ng d ng công ngh cao.

**i u 68. Xây d ng h t ng thông tin, c s d li u qu c gia và th ng kê v khoa h c và công ngh**

Nhà n c u t xây d ng, khuy n khích t ch c, cá nhân tài tr cho vi c xây d ng h t ng thông tin, c s d li u qu c gia và th ng kê v khoa h c và công ngh hi n i nh m b o m thông tin y , chính xác, k p th i v ho t ng khoa h c và công ngh trong n c và th gi i.

Chính ph quy nh c th i u này.

**i u 69. Xây d ng và phát tri n th tr ng khoa h c và công ngh**

Nhà n c có chính sách và bi n pháp sau ây xây d ng và phát tri n th tr ng khoa h c và công ngh :

1. Khuy n khích m i ho t ng chuy n nh ng, chuy n giao công ngh theo nguyên t c t nguy n, bình ng, các bên cùng có l i ;

2. Hoàn thi n chính sách, pháp lu t v s h u trí tu và chuy n giao công ngh ;

3. Áp d ng chính sách u ãi i v i s n ph m ang trong th i k s n xu t th nghi m b ng công ngh m i; s n ph m c làm ra t công ngh m i l n u áp d ng t i Vi t Nam; ho t ng t v n khoa h c và công ngh ; thi t b công ngh cao nh p kh u, xu t kh u công ngh ;

4. Áp d ng ch th ng cho t p th lao ng và cá nhân có ho t ng i m i sáng t o, sáng ch , sáng ki n, c i ti n k thu t, h p lý hoá s n xu t, ng d ng công ngh m i c chuy n giao;

5. Nhà n c thành l p, khuy n khích t ch c, cá nhân thành l p t ch c d ch v khoa h c và công ngh , trung tâm xúc ti n và h tr ho t ng chuy n giao công ngh ; trung tâm, sàn giao d ch công ngh ; ch công ngh - thi t b .

CH NG VIII

**H I NH P QU C T V KHOA H C VÀ CÔNG NGH**

**i u 70. Nguyên t c h i nh p qu c t v khoa h c và công ngh**

1. Tích c c, ch ng và b o m c l p, ch quy n, an ninh qu c gia,

bình đẳng và cùng có lợi.

2. Đa dạng hóa, đa phân hóa hợp tác, xuất vốn ra ngoài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

3. Phát triển khoa học và công nghệ theo chu trình và giai đoạn nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước tiên tiến, tranh thủ tài chính nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao.

#### **Điểm 71. Hình thức hợp tác về khoa học và công nghệ**

1. Liên kết, tham gia hoạt động khoa học và công nghệ vốn ra ngoài, bao gồm:

a) Tham gia tổ chức khoa học và công nghệ, hội, hiệp hội khoa học và công nghệ của nước ngoài;

b) Tham gia hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chuyển đổi, hội thảo khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế trong nước và nước ngoài;

c) Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài. Việt Nam và thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam nước ngoài.

2. Xây dựng và thực hiện chương trình, dự án chung về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong khuôn khổ thỏa thuận song phương, đa phương, khu vực, liên khu vực và quốc tế.

3. Thu hút, thuê chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam nước ngoài, chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài tham gia vào chương trình, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chương trình đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ, hoạt động khoa học và công nghệ khác Việt Nam.

4. Tổ chức triển lãm, diễn đàn khoa học và công nghệ, hội công nghệ, trung tâm, sàn giao dịch công nghệ, giải thi đấu, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặc biệt công nghệ tiên tiến, công nghệ cao của các nước và Việt Nam.

5. Tìm kiếm, chuyển giao công nghệ tiên tiến của nước ngoài vào Việt Nam.

6. Phát triển mạng lưới đại diện khoa học và công nghệ Việt Nam nước ngoài.

#### **Điểm 72. Biện pháp thúc đẩy hình thức hợp tác về khoa học và công nghệ**

1. Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động hình thức hợp tác về khoa học và công nghệ.

2. Ủy mnh vi c tham gia, ký k t và th c hi n i u c qu c t , th a thu n qu c t v h p tác khoa h c và công ngh .
3. Ủy mnh vi c ào t o, b i d ng, nâng cao trình chuyên môn, ngo i ng cho i ng nhân l c khoa h c và công ngh .
4. Xây d ng m t s t ch c, nhóm nghiên c u khoa h c và công ngh t tiêu chu n khu v c, qu c t .
5. T ng c ng k t c u h t ng ph c v phát tri n khoa h c và công ngh , c bi t h th ng c s d li u qu c gia v khoa h c và công ngh , h th ng phòng thí nghi m tr ng i m t tiêu chu n khu v c, qu c t . K t n i m ng thông tin tiên ti n, hi n i c a khu v c và qu c t v nghiên c u và ào t o.
6. Hoàn thi n c ch , chín h sách u ãi, h tr t ch c, cá nhân Vi t Nam tham gia ho t ng h i nh p qu c t v khoa h c và công ngh .
7. Xây d ng c ch , chính sách thu hút ng i Vi t Nam n c ngoài, t ch c, cá nhân n c ngoài tham gia phát tri n khoa h c và công ngh Vi t Nam.
8. S d ng có hi u qu v n vay và vi n tr c a n c ngoài u t cho khoa h c và công ngh .

## CH NG IX TRÁCH NHI M QU N LÝ NHÀ N C V KHOA H C VÀ CÔNG NGH

### **i u 73. Trách nhi m c a Chính ph**

1. Th ng nh t qu n lý nhà n c v khoa h c và công ngh t rong ph m vi c n c và ban hành v n b n quy ph m pháp lu t, c ch , chính sách c th b o m phát tri n khoa h c và công ngh là qu c sách hàng u.
2. Ch o ban hành và t ch c th c hi n v n b n quy ph m pháp lu t, c ch , chính sách, chi n l c phát tri n khoa h c và công ngh , quy ho ch m ng l i t ch c khoa h c và công ngh công l p.
3. Phân công, phân c p th c hi n ch c n ng qu n lý nhà n c v khoa h c và công ngh .
4. Ch o ho t ng h i nh p qu c t v khoa h c và công ngh ; phát tri n ngu n nhân l c khoa h c và công ngh .
5. Ch o công tác tuyên truy n, ph bi n, giáo d c pháp lu t v khoa h c và công ngh ; ki m tra vi c th c hi n pháp lu t v khoa h c và công ngh .
6. Ch o công tác ki m tra, thanh tra, gi i quy t khi u n i, t cáo và x lý vi ph m pháp lu t v khoa h c và công ngh .

H ng n m, Chính ph báo cáo Qu c h i v vi c th c hi n chính sách,

biện pháp phát triển khoa học và công nghệ; việc sử dụng ngân sách nhà nước ưu tiên cho khoa học và công nghệ; kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.

#### **Điều 74. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**

Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong phạm vi chức năng, có trách nhiệm sau đây:

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chỉ thị, lệnh, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ, quy hoạch mang tính chiến lược khoa học và công nghệ công lập;

2. Xây dựng và phê duyệt đề án hàng năm, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ 05 năm và hàng năm;

3. Thực hiện quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp; hướng dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước các cấp, trình tự quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong chương trình, đề án khoa học và công nghệ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

4. Quản lý, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước ưu tiên cho khoa học và công nghệ; xây dựng xu hướng, trọng tâm ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ làm căn cứ cho việc giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm;

5. Thẩm định việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo phân cấp của Chính phủ; cho phép thành lập tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài; đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ theo thẩm quyền;

6. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ; hệ thống thống kê khoa học và công nghệ và tiêu chí thống kê thống nhất trong nước; ý kiến về khai thác và sử dụng sáng chế; phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

7. Tổ chức quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về khoa học và công nghệ;

8. Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn thực hiện pháp luật về khoa học và công nghệ;

9. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ;

10. Thanh tra, kiểm tra hoặc phê duyệt thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoa học và công nghệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về khoa học và công nghệ theo thẩm quyền; căn cứ kết quả

kiểm tra và hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ của các cơ quan và tổ chức xuất hiện nhằm vì công phân bổ kinh phí cho giai đoạn tiếp theo;

11. Thủ tục hiện hành và khác của Chính phủ quy định hoặc phân công.

#### **Điểm 75. Trách nhiệm của ban, cơ quan ngang bộ**

1. Ban, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm sau đây:

a) Lập và trình Chính phủ đề toán chi xuất phát triển khoa học và công nghệ theo xu hướng của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xét duyệt đề án xuất xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho khoa học và công nghệ; ôn c, kiểm tra các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng ngân sách và có hiệu quả kinh phí xuất phát triển khoa học và công nghệ.

2. Ban Tài chính có trách nhiệm sau đây:

a) Lập và trình Chính phủ đề toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo xu hướng của Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, tổ chức ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ;

b) Cân đối và bố trí kinh phí y, kế hoạch theo đề toán kinh phí đã phê duyệt;

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ôn c, kiểm tra các ngành, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ ứng dụng và có hiệu quả.

3. Ban Nội vụ có trách nhiệm sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng chính sách sử dụng, trình duyệt nhân lực khoa học và công nghệ;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, cơ quan có liên quan giao biên chế cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

4. Ban, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm sau đây:

a) Thủ tục hiện hành và khác của nhà nước về khoa học và công nghệ và chịu trách nhiệm về hoạt động khoa học và công nghệ trong ngành, lĩnh vực công phân công; xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn lực khoa học và công nghệ thuộc ngành, lĩnh vực công phân công; có tổ chức chuyên trách quản lý khoa học và công nghệ;

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chỉ dẫn, kế hoạch, biện pháp thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ; xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin, thống kê về khoa học và



công nghệ ;

c) Báo cáo kết quả, ý tưởng thông tin và số liệu thống kê khoa học và công nghệ về B Khoa học và Công nghệ ;

d) Quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ ứng dụng có ích và có hiệu quả, phù hợp với cơ chế và tiến bộ khoa học và công nghệ .

#### **Điều 76. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong phạm vi thẩm quyền theo phân cấp của Chính phủ có trách nhiệm sau đây:

1. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chỉ dẫn, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ ;

2. Bỏ hoặc sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ và nguồn lực khác của xã hội chủ yếu cho ngành khoa học và công nghệ thẩm quyền;

3. Tiếp nhận, thực hiện ngành, đánh giá hiệu quả ngành kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình xuất phát hàng hoặc hàng sau khi có đánh giá, nghiệm thu và nhận kết luận mức độ báo cáo kết quả ngành về B Khoa học và Công nghệ ;

4. Quản lý, sử dụng kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ ứng dụng có ích và có hiệu quả; bỏ hoặc kinh phí ý tưởng, kết quả, phù hợp với cơ chế và tiến bộ khoa học và công nghệ thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của thẩm quyền và các cấp;

5. Xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin, thống kê về khoa học và công nghệ; báo cáo ý tưởng, trung tâm số liệu thống kê khoa học và công nghệ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền;

6. Tuyên truyền, phổ biến và thực hiện ngành đến thực hiện pháp luật về khoa học và công nghệ ;

7. Thanh tra, kiểm tra hoặc phối hợp thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoa học và công nghệ; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về khoa học và công nghệ theo thẩm quyền.

CH NG X  
**KHEN TH NG VÀ X LÝ VI PH M**

**ì u 77. Danh hi u vinh d Nhà n c, khen th ng và gi i th ng v khoa h c và công ngh**

1. T ch c, cá nhân có thành tích trong s nghi p phát tri n khoa h c và công ngh c phong, t ng danh hi u vinh d Nhà n c, gi i th ng và các hình th c khen th ng khác c a Nhà n c theo quy nh c a pháp lu t v thi ua, khen th ng.

2. B , c quan ngang b , c quan thu c Chính ph , c quan nhà n c khác trung ng, y ban nhân dân c p t nh xét, t ng gi i th ng v khoa h c và công ngh cho t p th , cá nhân có công trình nghiên c u khoa h c và phát tri n công ngh xu t s c trong ph m vi qu n lý c a b , ngành, a ph ng.

3. T ch c, cá nhân trong n c, ng i Vi t Nam nh c n c ngoài, t ch c qu c t , t ch c, cá nhân n c ngoài c t và t ng gi i th ng khoa h c và công ngh nh m khuyn khích phát tri n khoa h c và công ngh t i Vi t Nam theo quy nh c a pháp lu t.

4. Chính ph quy nh c th i u này.

**ì u 78. Nh n danh hi u, gi i th ng v khoa h c và công ngh c a t ch c, cá nhân n c ngoài, t ch c qu c t**

T ch c khoa h c và công ngh , cá nhân ho t ng khoa h c và công ngh c nh n danh hi u, gi i th ng v khoa h c và công ngh do t ch c, cá nhân n c ngoài, t ch c qu c t phong, t ng phù h p v i quy nh c a pháp lu t Vi t Nam.

**ì u 79. X lý vi ph m**

1. Cá nhân có hành vi vi ph m pháp lu t v khoa h c và công ngh thì tu theo tính ch t, m c vi ph m mà b x lý k lu t, x ph t hành chính ho c b truy c u trách nhi m hình s , n u gây thi t h i thì ph i b i th ng theo quy nh c a pháp lu t.

2. T ch c vi ph m pháp lu t v khoa h c và công ngh thì tu theo tính ch t, m c vi ph m mà b x ph t hành chính, n u gây thi t h i thì ph i b i th ng theo quy nh c a pháp lu t.

CH NG XI  
**I U KHO N THI HÀNH**

**ì u 80. Hi u l c thi hành**

Lu t này có hi u l c thi hành t ngày 01 tháng 01 n m 2014.

Lu t khoa h c và công ngh s 21/2000/QH10 h t hi u l c k t ngày

Luật này có hiệu lực.

**Điều 81. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành**

Chính phủ và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản có giao trong Luật.

---

*Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2013.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

ã ký

**Nguyễn Sinh Hùng**

## M C L C

CH	NG I. NH NG QUY NH CHUNG .....	1
	i u 1. Ph m vi i u ch nh .....	1
	i u 2. i t ng áp d ng .....	1
	i u 3. Gi i thích t ng .....	1
	i u 4. Nhi m v c a ho t ng khoa h c và công ngh .....	3
	i u 5. Nguyên t c ho t ng khoa h c và công ngh .....	3
	i u 6. Chính sách c a Nhà n c v phát tri n khoa h c và công ngh .....	3
	i u 7. Ngày khoa h c và công ngh Vi t Nam .....	4
	i u 8. Các hành vi b c m .....	4
CH	NG II. T CH C KHOA H C VÀ CÔNG NGH .....	5
M c 1.	THÀNH L P, QUY N VÀ NGH A V C A T CH C KHOA H C VÀ CÔNG NGH .....	5
	i u 9. Hình th c và phân lo i t ch c khoa h c và công ngh .....	5
	i u 10. Quy ho ch m ng l i t ch c khoa h c và công ngh công l p .....	5
	i u 11. i u ki n thành l p, ng ký ho t ng c a t ch c khoa h c và công ngh .....	6
	i u 12. Th m quy n, trình t , th t c thành l p, sáp nh p, chia, tách, gi i th t ch c khoa h c và công ngh .....	7
	i u 13. Quy n c a t ch c khoa h c và công ngh .....	7
	i u 14. Ngh a v c a t ch c khoa h c và công ngh .....	8
	i u 15. V n phòng i di n, chi nhánh t i Vi t Nam c a t ch c khoa h c và công ngh n c ngoài .....	9
M c 2.	ÁNH GIÁ, X P H NG T CH C KHOA H C VÀ CÔNG NGH .....	9
	i u 16. M c ích, nguyên t c ánh giá, x p h ng t ch c khoa h c và công ngh .....	9
	i u 17. ánh giá t ch c khoa h c và công ngh ph c v qu n lý nhà n c .....	10
	i u 18. T ch c ánh giá c l p .....	10
CH	NG III. CÁ NHÂN HO T NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH , PHÁT TRI N NGU N NHÂN L C KHOA H C VÀ CÔNG NGH .....	10
	i u 19. Ch c danh nghiên c u khoa h c, ch c danh công ngh .....	10
	i u 20. Quy n c a cá nhân ho t ng khoa h c và công ngh .....	11
	i u 21. Ngh a v c a cá nhân ho t ng khoa h c và công ngh .....	12
	i u 22. ào t o nhân l c, b i d ng nhân tài v khoa h c và công ngh .....	12
	i u 23. u ãi trong vi c s d ng nhân l c, nhân tài khoa h c và công ngh .....	13
	i u 24. Thu hút cá nhân ho t ng khoa h c và công ngh là ng i Vi t Nam n c ngoài và chuyên gia n c ngoài .....	14
CH	NG IV. XÁC NH, T CH C TH C HI N NHI M V KHOA H C VÀ CÔNG NGH .....	15
M c 1.	XÁC NH NHI M V KHOA H C VÀ CÔNG NGH .....	15

i u 25. Nhi m v khoa h c và công ngh .....	15
i u 26. xu t nhi m v khoa h c và công ngh .....	16
i u 27. Th m quy n phê duy t, ký h p ng th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh .....	17
M c 2. PH NG TH C TH C HI N NHI M V KHOA H C VÀ CÔNG NGH .....	17
i u 28. Ph ng th c giao nhi m v khoa h c và công ngh .....	17
i u 29. Tuy n ch n t ch c, cá nhân th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh s d ng ngân sách nhà n c .....	18
i u 30. Nhi m v khoa h c và công ngh s d ng ngân sách nhà n c c giao tr c ti p.....	18
i u 31. Nhi m v khoa h c và công ngh c qu trong l nh v c khoa h c và công ngh xét tài tr , cho vay, b o lãnh v n vay .....	19
i u 32. Liên k t xác nh và th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh .....	19
M c 3. H P NG KHOA H C VÀ CÔNG NGH .....	20
i u 33. Phân lo i h p ng khoa h c và công ngh .....	20
i u 34. Quy n, ngh a v c a bên t hàng theo h p ng nghiê n c u khoa h c và phát tri n công ngh .....	20
i u 35. Quy n, ngh a v c a bên nh n t hàng th c hi n h p ng nghiê n c u khoa h c và phát tri n công ngh .....	20
i u 36. Gi i quy t tranh ch p h p ng khoa h c và công ngh .....	21
M c 4. ÁNH GIÁ, NGHI M THU, NG KÝ, L U GI K T QU TH C HI N NHI M V KHOA H C VÀ CÔNG NGH ...	21
i u 37. ánh giá, nghi m thu k t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh .....	21
i u 38. H i ng khoa h c và công ngh chuyên ngành, t ch c, chuyên gia t v n c l p ánh giá, nghi m thu k t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh .....	22
i u 39. ng ký, l u gi k t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh .....	22
i u 40. Trách nhi m ti p nh n và t ch c ng d ng k t qu th c hi n nhi m v khoa h c và công ngh .....	23
M c 5. QUY NS H U, QUY N TÁC GI I V I K T QU NGHIÊN C U KHOA H C VÀ PHÁT TRI N CÔNG NGH .....	23
i u 41. Quy n s h u, quy n s d ng k t qu nghiê n c u khoa h c và phát tri n công ngh .....	23
i u 42. Quy n tác gi i v i k t qu nghiê n c u khoa h c và phát tri n công ngh .....	24
i u 43. Phân chia l i nhu n khi s d ng, chuy n giao quy n s d ng, chuy n nh ng, góp v n b ng k t qu nghiê n c u khoa h c và phát tri n công ngh s d ng ngân sách nhà n c .....	24
CH NG V. NG D NG K T QU NGHIÊN C U KHOA H C VÀ PHÁT TRI N CÔNG NGH , PH BI N KI N TH C KHOA H C VÀ CÔNG NGH .....	25

i u 44. Trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ .....	25
i u 45. Khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ .....	25
i u 46. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội.....	26
i u 47. Khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và cải tiến sáng tạo .....	26
i u 48. Truy cập thông tin, phân tích kiến thức khoa học và công nghệ .....	27
CHƯƠNG VI. ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH PHÁP V PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ .....	27
Mục 1. ĐẦU TƯ CÁ NHÂN .....	27
i u 49. Ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ .....	27
i u 50. Mục đích chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ .....	27
i u 51. Xây dựng kế toán và quản lý ví dụ số ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ .....	28
i u 52. Áp dụng khoán chi phí vì nhiệm vụ khoa học và công nghệ số ngân sách nhà nước; mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ .....	29
i u 53. Chi phí, số ngân, quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số ngân sách nhà nước .....	29
i u 54. Chi phí đầu tư chi phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ chi phí .....	29
Mục 2. ĐẦU TƯ CÁ DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN ...	30
i u 55. Huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho khoa học và công nghệ .....	30
i u 56. Đầu tư cá doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ .....	30
i u 57. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ .....	30
i u 58. Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ .....	31
Mục 3. QUẢN LÝ, ĐẦU TƯ CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ .....	32
i u 59. Các quỹ đầu tư, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ .....	32
i u 60. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia .....	32
i u 61. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cá nhân, cá nhân quan trọng, cá nhân quan trọng Chính phủ, thành phố trực thuộc trung ương ....	32
i u 62. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cá nhân, cá nhân .....	33
i u 63. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ cá nhân, cá nhân .....	33
Mục 4. ỦY BAN VÀ TÍN DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ .....	34
i u 64. Chính sách thu hút vốn đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ ....	34
i u 65. Chính sách tín dụng vốn đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ ..	34
CHƯƠNG VII. XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ .....	35

	i u 66. Xây dựng hệ thống kỹ thuật phục vụ phát triển khoa học và công nghệ .....	35
	i u 67. Xây dựng hệ thống phục vụ phát triển công nghệ cao .....	35
	i u 68. Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thông kê về khoa học và công nghệ .....	36
	i u 69. Xây dựng và phát triển trình độ khoa học và công nghệ ...	36
CH	NG VIII. HÌNH PHỤ C T V KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ .....	36
	i u 70. Nguyên tắc hình phụ c t v khoa học và công nghệ .....	36
	i u 71. Hoạt động hình phụ c t v khoa học và công nghệ .....	37
	i u 72. Biện pháp thúc đẩy hình phụ c t v khoa học và công nghệ .....	37
CH	NG IX. TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỚI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ .....	38
	i u 73. Trách nhiệm của Chính phủ .....	38
	i u 74. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ .....	39
	i u 75. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ .....	40
	i u 76. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh .....	41
CH	NG X. KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM .....	42
	i u 77. Danh hiệu vinh dự Nhà nước, khen thưởng và giã thi công về khoa học và công nghệ .....	42
	i u 78. Nhận danh hiệu, giã thi công về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế .....	42
	i u 79. Xử lý vi phạm .....	42
CH	NG XI. NỘI DUNG THI HÀNH .....	42
	i u 80. Hi u l c thi hành .....	42
	i u 81. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành .....	43